1. Đưa ra (first\_name, last\_name) sử dụng alias “First Name”, “Last Name”



1. Lấy ra các department ID duy nhất trong bảng employee



1. Lấy ra thông tin chi tiết của các nhân viên và sắp xếp bởi first\_name theo thứ tự giảm dần



1. Đưa ra (first\_name, last\_name), salary, PF của tất cả các nhân viên (PF là 15% của salary)

A close up of a name

Description automatically generated

1. Đưa ra employee ID, names (first\_name, last\_name), salary theo thứ tự tăng dần của salary

Select employee\_id, first\_name, last\_name, salary

From employees

Order by salary

1. Lấy về tổng lương phải trả cho nhân viên



1. Lấy về mức lương cao nhất và thấp nhất trong bảng employees



1. Lấy về mức lương trung bình và số nhân viên trong bảng employees



1. Lấy về số nhân viên ứng với công ty

A black text on a white background

Description automatically generated

1. Đưa ra số lượng các công việc có trong bảng employees

A close up of a word

Description automatically generated

1. Lấy về first\_name trong bảng employees nhưng hiển thị viết hoa.

A close up of words

Description automatically generated

1. Lấy về danh sách 3 ký tự đầu tiên của first\_name trong bảng employees

A close up of words

Description automatically generated

1. Viết truy vấn để tính 171\*214+625



1. Viết truy vấn để lấy về tên ghép từ first\_name và last\_name của các nhân viên trong bảng employees. Ví dụ: Ellen Abel, Sundar Ande etc

A black text on a white background

Description automatically generated

1. Lấy về first\_name từ employees và xóa hết các khoảng trắng nếu có ở 2 bên trái phải trong first\_name

A close up of a text

Description automatically generated

1. Lấy về độ dài tên (first\_name, last\_name) từ bảng employees
2. Kiểm tra nếu trong bảng employees có nhân viên có first\_name chứa ký tự số.
3. Lấy về 10 dòng đầu tiên trong bảng employees
4. Lấy lương theo tháng (làm tròn 2 chữ số thập phân) cho mọi nhân viên. Giả định salary lưu trong CSDL là lương theo năm.